

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-PT

Ngày 19-7-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tài Sử và ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 32/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bàn Văn P; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị Cy; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Ông Hỷ Cún D; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bàn Văn P trình bày:

Ngày 11-6-2018, ông cho bà Hoàng Thị H vay số tiền 10.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay 06 tháng. Sau đó bà H tiếp tục vay nhiều lần, mỗi lần ông lại viết thêm vào hợp đồng vay tiền đề ngày 11-6-2018, bà H là

người ký và nhận tiền. Trong lần vay cuối cùng có ông Hỷ Cún D là chồng bà H ký nhưng bà H là người nhận tiền. Số tiền ông cho bà H vay là tài sản chung của ông và vợ là bà Dương Thị C. Trong năm 2018, bà H đã trả tiền cho ông nhiều lần nhưng ông không nhớ thời gian và số tiền cụ thể.

Ngày 14-3-2019, hai bên tính lại số tiền bà H đã vay, cụ thể: Bà H nợ ông 76.000.000 đồng, đã trả 40.000.000 đồng, còn nợ 36.000.000 đồng. Ông và bà H gạch bỏ hợp đồng vay tiền đề ngày 11-6-2018 và viết lại giấy vay tiền đề ngày 14-3-2019; bà H cam kết trả nợ cho ông vào ngày 14-9-2019, không thỏa thuận lãi suất. Đến thời hạn trả nợ, ông yêu cầu nhiều lần nhưng bà H không trả số tiền còn lại cho ông như cam kết. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho ông 36.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà thừa nhận năm 2018 bà có vay tiền của ông P nhiều lần, lần đầu tiên vay 10.000.000 đồng, những lần sau vay bao nhiêu bà không nhớ. Bà là người ký giấy và nhận tiền, trong lần vay cuối cùng có chồng bà là ông D ký tên.

Đến ngày 14-3-2019, bà đã trả cho ông P 40.000.000 đồng, chỉ còn nợ khoảng mấy triệu đồng. Sau khi trả số tiền 40.000.000 đồng, ông P viết lại giấy vay tiền mới với nội dung bà vay của ông P 36.000.000 đồng, ông P nói bà cứ ký vào giấy vay tiền, có thời gian sẽ tính toán lại, nếu sai thì ông P trừ cho bà sau. Do tin tưởng ông P nên bà đã ký tên vào giấy vay tiền đề ngày 14-3-2019 nhưng thực tế bà không nhận của ông P 36.000.000 đồng.

Số tiền bà vay của ông P là để đi chữa bệnh, lo cho các con và đầu tư vào vườn rẫy, ông D có ký vào giấy vay tiền một lần nhưng bà là người nhận tiền. Tuy nhiên, giữa bà và ông D có nhiều mâu thuẫn, ông D đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay, thỉnh thoảng mới về nhà vài ngày, sau đó lại đi, mọi việc trong gia đình do bà quán xuyến, rẫy vườn do bà tự thu, tự chi. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Dương Thị C: Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông P, số tiền ông P cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng bà, đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả cho vợ chồng bà 36.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Đối với ông Hỷ Cún D: Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D đều vắng mặt nên không lấy lời khai được.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 370, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà H phải trả cho ông P và bà C tổng số tiền 45.126.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi là 9.126.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08-4-2022, bị đơn bà Hoàng Thị H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P; không buộc bà H phải trả cho ông P và bà C số tiền 45.126.000 đồng (*gồm tiền nợ gốc 36.000.000 đồng, tiền lãi 9.126.000 đồng*); không buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị H nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hỷ Cún D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Hỷ Cún D.

[2]. Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị H; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[2.1]. Ngày 11-6-2018, ông P cho bà H vay 10.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tiền. Sau đó ông P tiếp tục cho bà H vay tiền nhiều lần, mỗi lần đều viết thêm vào hợp đồng vay tiền ngày 11-6-2018 nhưng hai bên không nhớ thời gian và số tiền cụ thể; bà H đã trả cho ông P 40.000.000 đồng. Ngày 14-3-2019, hai bên gạch bỏ hợp đồng vay tiền đề ngày 11-6-2018 và viết lại giấy vay tiền mới thể hiện bà H nợ ông P 36.000.000 đồng. Bà H thừa nhận chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 14-3-2019 là do anh Hỷ Ngọc S (*con trai bà H*) viết; bà H ký tên ở mục bên B (*tức bên vay*), anh S ký tên làm chứng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ khẳng định giấy vay tiền đề ngày 14-3-2019 đã thay thế hợp đồng vay tiền đề ngày 11-6-2018.

[2.2]. Bà H cho rằng do tin tưởng ông P nên bà mới ký vào giấy vay tiền đề ngày 14-3-2019; thực tế ông P không đưa cho bà số tiền 36.000.000. Mặt khác, nếu cộng tổng số tiền bà đã vay theo hợp đồng vay tiền đề ngày 11-6-2018, trừ đi 40.000.000 đồng đã trả thì bà chỉ còn nợ ông P khoảng mấy triệu đồng. Tuy nhiên, ông P không thừa nhận điều này; bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3]. Tại giấy vay tiền đề ngày 14-3-2019, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 14-9-2019, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, ông P đòi nhiều lần nhưng bà H không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc bà H phải trả cho ông P và bà C số tiền nợ gốc 36.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4]. Về lãi suất: Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và các bên không thỏa thuận lãi suất nên cần xác định lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (*tức 10%/năm, 0,833%/tháng, 0,0277%/ngày*), cụ thể: Thời gian bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ (*ngày 15-9-2019*) đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 28-3-2022*) là 02 năm 06 tháng 13 ngày; mức lãi suất được tính như sau: $(36.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm}) + (36.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/tháng \times 06 \text{ tháng}) + (36.000.000 \text{ đồng} \times 0,0277\%/ngày \times 13 \text{ ngày}) = 9.129.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Việc Tòa án cấp sơ thẩm tính ra số tiền lãi suất 9.126.000 đồng là do sai số, chênh lệch không đáng kể, các đương sự cũng không có ý kiến về nội dung này nên cần xác định số tiền lãi 9.126.000 đồng theo bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.5]. Mặc dù bà H vay tiền của ông P trong thời kỳ hôn nhân với ông D nhưng hợp đồng vay tiền đề ngày 11-6-2018 và một số lần vay thêm không có chữ ký của ông D; bà H thừa nhận ông D đã bỏ nhà đi từ năm 2012, chỉ thỉnh thoảng mới về vài ngày rồi lại đi, mọi thu nhập từ rẫy vườn và chi tiêu trong gia đình đều do bà tự thu chi nên không thuộc một trong các trường hợp phát sinh nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với lần vay vào ngày 31-01-2019, ông D và bà H cùng ký tên nhưng bà H thừa nhận giữa bà H và ông P đã chốt nợ vào ngày 14-3-2019, trong đó bà H là người ký tên nhận nợ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 370 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nghĩa vụ của ông D đã chuyển giao cho bà H từ ngày 14-3-2019. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông D phải có nghĩa vụ cùng bà H trả nợ cho ông P là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7]. Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận và Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

1. Áp dụng Điều 351, Điều 357, Điều 370, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Văn P, buộc bà Hoàng Thị H phải trả cho ông Bàn Văn P và bà Dương Thị C tổng số

tiền 45.126.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), bao gồm 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*) tiền gốc và 9.126.000 đồng (*chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Hoàng Thị H phải chịu 2.256.000đ (*hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Bàn Văn P số tiền 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 23-4-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 11-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự; Tổ hành chính tư pháp; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Bùi Danh Đại